

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-PT
Ngày 22- 11 - 2018
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Vĩnh Thành

- *Các Thẩm phán:* Ông Trần Văn Chung;

Ông Lê Duy Giá

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Kim Thị Ánh Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vinh Phúc.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vinh Phúc:* Ông Nguyễn Xuân Sơn-
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vinh Phúc
xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2018/TLPT-HNGĐ ngày 06
tháng 9 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 34/2018/ HNGĐ-ST ngày 20 tháng 7 năm
2018 của Toà án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 71/2018/QĐ-PT ngày
02 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1974.

Nơi đăng ký HKTT: Phường X, thị xã P, tỉnh Vinh Phúc.

Đăng ký tạm trú: Số 133, T, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội (có
mặt).

Hiện cư trú tại: Phòng 336 - D5- Đường T, Khu đô thị Đ, G, Hà Nội.

Bị đơn: Bà Đỗ Thị Hồng L, sinh năm 1975.

Nơi đăng ký HKTT: Phường X, thị xã P, tỉnh Vinh Phúc.

Địa chỉ cư trú: Số nhà 139, Khu 9, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Nơi làm việc: Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Dạy nghề huyện V.

Địa chỉ: Thị trấn T, huyện V, tỉnh Vinh Phúc (có mặt).

1. Người kháng cáo bà Đỗ Thị Hồng L - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn ông Nguyễn Hồng Đ
trình bày: Ông và bà Đỗ Thị Hồng L kết hôn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân

xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc đăng ký kết hôn ngày 31/10/1998. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Khu tập thể trường trung học phổ thông L tại thị trấn T. Sau đó vợ chồng thuê nhà và sinh sống tại thị trấn V. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2009- 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi, chửi và đã có một lần đánh nhau. Sau khi ly thân, ông chuyển về sinh sống tại địa chỉ: Số 133, T, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội từ đó đến nay. Đối với bà L thì cũng chuyển về sinh sống cùng với bố mẹ đẻ tại thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Trong thời gian ly thân ông và bà L đã bỏ mặc không quan tâm, chăm sóc hay giúp đỡ gì đến nhau trong cuộc sống nữa. Năm 2017, ông đã có đơn xin ly hôn bà L tại Tòa án nhân dân huyện V nhưng vì suy nghĩ cho các con chung của ông và bà L nên ông đã xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện của mình. Tòa án đã ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên từ đó đến nay tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được gì, không ai quan tâm, chăm sóc hay giúp đỡ gì đến nhau trong cuộc sống nữa. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đỗ Thị Hồng L.

Về con chung: Ông và bà L có 02 con chung là Nguyễn Thị Hồng A, sinh ngày 08/11/1999, hiện đang là sinh viên Trường đại học Giao thông vận tải Hà Nội và Nguyễn Việt H, sinh ngày 29/11/2008 (hiện cháu đang ở với bà L). Ly hôn đối với cháu A hiện đã trên 18 tuổi và không bị nhược điểm gì về thể chất hoặc tâm thần nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do cháu H đang được bà L chăm sóc, nuôi dưỡng nên ông đồng ý để bà L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H. Ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu H với mức 1.500.000 đồng/tháng, kể từ tháng 7/2018 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, đất nông nghiệp và công sức: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Đỗ Thị Hồng L trình bày: Bà thừa nhận lời trình bày của ông Nguyễn Hồng Đ về thời gian kết hôn là đúng. Ngoài hai địa điểm mà vợ chồng đã sinh sống như ông Đ đã trình bày thì vợ chồng còn sinh sống khoảng 05 năm tại Trường trung học phổ thông V tại thị trấn V. Khoảng năm 2009, 2010 thì ông Đ có quan hệ bất chính với người đàn bà khác và bỏ đi, bà cũng không biết ông Đ đi đâu và sinh sống ở đâu. Sau này bà được biết ông Đ quan hệ và chung sống như vợ chồng đối với bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1982 có hộ khẩu thường trú tại: Phường C, thị xã C, tỉnh Hải Dương. Ông Đ và bà H chung sống tại địa chỉ số: Phòng 336 - D5- Đường T, Khu đô thị Đ, G, Hà Nội. Năm 2017, cháu Nguyễn Thị Hồng A là con chung của vợ chồng đỗ đại học đến ở với bố, chứng

kiến bố ngủ chung giường với cô H như vợ chồng, chính vì có người khác nên ông Đ mới ly thân với bà. Tuy nhiên ông Đ vẫn về thăm bà và các con tại phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Nay ông Nguyễn Hồng Đ xin ly hôn, bà không đồng ý bà mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Bà không chấp nhận ly hôn vì nếu vợ chồng ly hôn sẽ làm tổn thương con cái, vợ chồng không có mâu thuẫn gì.

Về con chung: Do bà không đồng ý ly hôn nên bà không có ý kiến, đề nghị gì về con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, đất nông nghiệp và công sức: Do bà không đồng ý ly hôn nên bà không có ý kiến, đề nghị gì.

Tại bản án sơ thẩm số 34/2018/ HNGĐ-ST ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V đã xét xử, quyết định:

1. Cho ông Nguyễn Hồng Đ được ly hôn với bà Đỗ Thị Hồng L.
2. Bà Đỗ Thị Hồng L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Việt H, sinh ngày 29/11/2008 (hiện cháu đang ở với bà L). Ông Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà L cho cháu H với mức 1.500.000 đồng/tháng, kể từ tháng 7/2018 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 09/8/2018 bà L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo và các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Đỗ Thị Hồng L kháng cáo trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

[2] Về nội dung kháng cáo: Hội đồng xét xử thấy rằng ông Đ và bà L kết hôn năm 1998 và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện V đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp. Khi ông Đ

chuyên công tác về Hà Nội vợ chồng cách xa về địa lý nhưng không có mâu thuẫn gì đáng kể. Ông Đ cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên xin ly hôn. Bà L không đồng ý ly hôn vì cho rằng ông Đ vì có tình cảm với người phụ nữ khác nên mới xin ly hôn, nhưng quan trọng nhất là vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Các con của ông Đ và bà L đều có đơn đề nghị Tòa án hòa giải cho bố mẹ được đoàn tụ để các cháu được chung dưới mái ấm gia đình có cả cha và mẹ. Chính cháu Nguyễn Thị Hồng A là con đẻ ông Đ, bà L có đơn gửi Tòa án nhân dân huyện V, xác nhận ông Đ có quan hệ như vợ chồng với bà H tại phòng ở của hai bố con (bút lục 38) nên ở được một thời gian vì không muốn chứng kiến cảnh bố chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác diễn ra hàng ngày trước mắt nên cháu đã ra ngoài thuê trọ. Bản án sơ thẩm không xem xét nội dung đơn của cháu H. Cấp sơ thẩm không xác minh tại nơi cư trú hoặc làm việc của ông Đ và bà L xem vợ chồng có mâu thuẫn gì không mà đã xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Đ và bà L là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài là chưa có cơ sở vững chắc. Tại phiên tòa bà L trình bày vẫn còn tình cảm với ông Đ, bày tỏ quan điểm tha thiết đoàn tụ, tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nên Tòa án cũng tạo điều kiện cho hai bên đương sự có thời gian cải thiện tình cảm vợ chồng. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà L, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về nuôi con chung: Ông Đ và bà L có hai con chung là Nguyễn Thị Hồng A, sinh ngày 08/11/1999 (đã trưởng thành) và Nguyễn Việt H, sinh ngày 29/11/2008. Do Tòa án không chấp nhận cho ly hôn nên không giải quyết về con chung.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bà L được chấp nhận nên bà L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị Hồng L.
2. Sửa bản án sơ thẩm số 34/2018/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.1. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Hồng Đ đối với bà Đỗ Thị Hồng L.

2.2. Về nuôi con chung: Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn nên không giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hồng Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: AA/2016/0003710 ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

2.4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đỗ Thị Hồng L không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Đỗ Thị Hồng L số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0001850 ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ-HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Vĩnh Thành